



PGS. TS. LÊ THỊ HÒA

SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Cho doanh nghiệp lớn và cho doanh nghiệp vừa và nhỏ

(Tái bản có bổ sung)

Biên soạn theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán bổ sung, sửa đổi và các Luật Thuế Giá trị gia tăng, Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế Tiêu thụ đặc biệt, Thuế Xuất nhập khẩu,...theo quy định hiện hành có hiệu lực thi hành từ năm 2006



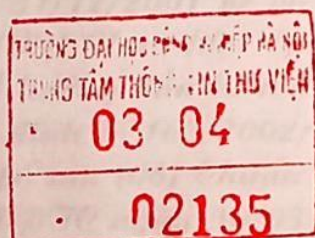
NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

**Cho doanh nghiệp lớn và cho
doanh nghiệp vừa và nhỏ**
(Tái bản có bổ sung)

PGS. TS. LÊ THỊ HÒA

Biên soạn theo Chuẩn mực kế toán,
chế độ kế toán doanh nghiệp Việt
Nam, chế độ kế toán bổ sung, sửa đổi
và các Luật Thuế Giá trị gia tăng,
Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Thuế
Tiêu thụ đặc biệt, Thuế Xuất nhập
khẩu,...theo quy định hiện hành có
hiệu lực thi hành từ năm 2006



LỜI MỞ ĐẦU

Trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán với chức năng thu thập, phân loại, tổng hợp và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo những nguyên tắc thống nhất, mang tính chuẩn mực, được pháp luật thừa nhận và theo thông lệ kế toán chung đã cung cấp loại thông tin rất hữu ích cho việc đề ra các quyết định kinh tế của mọi đối tượng sử dụng loại thông tin này trong nền kinh tế, kể cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Kế toán trước hết là công cụ quản lý của chủ doanh nghiệp và tổ chức. Kế toán là công cụ quản lý, là điều kiện và phương tiện hữu hiệu để Nhà nước kiểm soát, kiểm tra nền kinh tế.

Với vị trí và vai trò quan trọng của kế toán trong điều kiện phát triển của nền kinh tế nước ta hiện nay đòi hỏi kế toán phải được đổi mới nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển của nền kinh tế mới. Bộ Tài chính trong thời gian vừa qua đã xây dựng và ban hành lần lượt các chuẩn mực kế toán hình thành Hệ thống chuẩn mực kế toán đầu tiên của Việt Nam. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp kế toán của Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế.

Để áp dụng Hệ thống chuẩn mực Việt Nam trong hoạt động của các doanh nghiệp Bộ Tài chính đồng thời ban hành các Thông tư hướng dẫn kế toán thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam mới ban hành. Các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam là cơ sở xây dựng và ban hành mới Chế độ kế toán doanh nghiệp (theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính như: Thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002 về hướng dẫn kế toán thực hiện (04) Chuẩn mực kế toán (đợt 1) ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành và công bố sau (04) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1) và Thông tư 105/2003/TT-BTC ngày 04/11/2003 về hướng dẫn kế toán thực hiện (06) Chuẩn mực kế toán (đợt 2) theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC, ngày 31/12/2002 về việc ban hành và công bố sau (06) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2); Thông tư 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005 về hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3); Thông tư số 20/2006/TT-BTC



ngày 20/03/2006 về hướng dẫn kế toán thực hiện sáu (06) Chuẩn mực kế toán (đợt 4) ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 về hướng dẫn kế toán thực hiện bốn (04) Chuẩn mực kế toán (đợt 5) ban hành theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mục đích giúp cho bạn đọc, đối tượng sử dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, cập nhật các kiến thức mới nhất trong việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp đã được bổ sung, sửa đổi theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành trong các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006 và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 thay thế Quyết định số 1141/QĐ/CP ngày 01/11/1995 của Bộ Tài chính. Tác giả đã biên soạn cuốn sách "Sơ đồ hướng dẫn kế toán doanh nghiệp Việt Nam". Nội dung cuốn sách gồm 189 sơ đồ hướng dẫn kế toán trên cơ sở cập nhật các chế độ quy định hiện hành mới nhất áp dụng cho mọi đối tượng doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Bạn đọc có thể tra cứu, tham khảo, sử dụng Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành theo cách đọc các mối quan hệ, nguyên tắc xử lý kế toán được mô tả dưới dạng Sơ đồ kế toán lần lượt theo nội dung từng tài khoản kế toán của hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp.

Cuốn sách Sơ đồ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (tái bản lần thứ nhất) trình bày nội dung phản ánh của từng tài khoản kế toán theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đã được ban hành mới theo các quy định mới nhất tính đến thời điểm áp dụng từ năm 2006 đối với doanh nghiệp. Mỗi Sơ đồ kế toán phản ánh các mối quan hệ giữa một tài khoản với các tài khoản khác tuân thủ đúng các phương pháp kế toán theo quy định của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành. Các xử lý kế toán trên các Sơ đồ kế toán này vừa phản ánh đúng bản chất có tính đặc thù, cụ thể cho từng tài khoản đồng thời phản ánh mối quan hệ có tính chất tổng hợp cho nhiều tài khoản có mối quan hệ mật thiết. Điểm nổi bật là cuốn Sơ đồ hướng dẫn kế toán doanh nghiệp Việt Nam lần này có kèm theo ví dụ minh họa giúp cho người sử dụng cuốn sách dễ hiểu hơn và khẳng định sự hiểu biết của mình chắc chắn hơn về nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán áp dụng đối với mỗi tài khoản kế toán trong hệ thống các tài khoản kế toán theo quy định hiện hành của doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ.



Bạn đọc được hỗ trợ thêm kiến thức khi tham khảo thêm cuốn sách *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp* năm 2006 đồng tác giả được tái bản. Hai cuốn sách *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp* và cuốn *Sơ đồ kế toán doanh nghiệp Việt Nam* cho doanh nghiệp lớn và cho doanh nghiệp vừa và nhỏ là 01 cặp tài liệu bổ ích song hành giúp cho người đọc vừa có tài liệu bằng lời vừa có tài liệu trình bày dưới dạng sơ đồ kế toán để khẳng định kiến thức kế toán tài chính doanh nghiệp của mình.

Nội dung và kết cấu cuốn sách được chia ra 3 phần:

Phần 1 - Sơ đồ kế toán các tài khoản của hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (áp dụng cho doanh nghiệp lớn, và cho doanh nghiệp vừa và nhỏ) kèm các ví dụ minh họa;

Phần 2 - Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu, thu nhập chi phí của một số lĩnh vực, hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu;

Phần 3 - Danh mục hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp (theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành mới hiện hành đối với doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa và nhỏ).

Cuốn sách là tài liệu trợ giúp cho công tác nghiên cứu, học tập và tham khảo bổ ích cho các cán bộ, nhân viên kế toán, kiểm toán, các nhà quản lý kinh doanh trong các lĩnh vực khác nhau như tài chính, ngân hàng, thuế, thanh tra,... cũng như sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và giảng viên chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế nói riêng, ngành kinh tế, quản trị kinh doanh nói chung và những người quan tâm.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong biên soạn, trình bày song không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của Quý độc giả để các lần tái xuất bản sau sẽ được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn.

TÁC GIẢ

PGS.TS.LÊ THỊ HÒA



Mục lục

	NỘI DUNG	TRANG
PHẦN I	SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CÁC TÀI KHOẢN CỦA HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (CHO DOANH NGHIỆP LỚN VÀ DOANH NGHIỆP VỪA, NHỎ)	23
LOẠI I	NHÓM 11	
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	VỐN BẰNG TIỀN	
	Tổng quan nhóm 11 - Vốn bằng tiền và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán vốn bằng tiền	24
Sơ đồ số 01	Kế toán tiền mặt (TK 111)	26
Sơ đồ số 02	Kế toán tiền gửi ngân hàng (TK 112)	27
Sơ đồ số 03	Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngoại tệ (1112,1122)	28
Sơ đồ số 04	Kế toán tiền đang chuyển (TK113)	29
LOẠI I	NHÓM 12	
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	
	Tổng quan nhóm 12 - Đầu tư tài chính ngắn hạn và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn	30
Sơ đồ số 05	Kế toán đầu tư chứng khoán ngắn hạn (TK 121)	32
Sơ đồ số 06	Kế toán đầu tư ngắn hạn khác (TK 128)	33
Sơ đồ số 07	Kế toán dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (TK 129)	34
LOẠI I	NHÓM 13	
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	CÁC KHOẢN PHẢI THU	
	Tổng quan nhóm 13 - Các khoản phải thu và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán các khoản phải thu	35
Sơ đồ số 08	Kế toán phải thu khách hàng (TK 131)	36
Sơ đồ số 09	Kế toán thuế GTGT được khấu trừ (TK 133)	39
Sơ đồ số 10	Kế toán phải thu nội bộ (TK 136)	40
Sơ đồ số 11	Kế toán phải thu nội bộ (TK 136)	40
Sơ đồ số 12	Kế toán phải thu khác (TK 138)	41
Sơ đồ số 13	Kế toán hao hụt mất mát hàng tồn kho (TK 1381)	42
Sơ đồ số 14	Kế toán dự phòng phải thu khó đòi (TK 139)	43

LOẠI I
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG

NHÓM 14

CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC

Tổng quan nhóm 14 - Các khoản ứng trước và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán các khoản ứng trước 44

Sơ đồ số 15 Kế toán tạm ứng (TK 141) 45

Sơ đồ số 16 Kế toán chi phí trả trước (TK 142) 46

Sơ đồ số 17 Kế toán cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (TK 144) 47

LOẠI I
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG

NHÓM 15

HÀNG TỒN KHO

Tổng quan nhóm 15 - Hàng tồn kho và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán hàng tồn kho 48

Sơ đồ số 18 Kế toán hàng mua đang đi trên đường (TK 151) 53

(Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Sơ đồ số 19 Kế toán hàng mua đang đi đường (TK 151) 53

(Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Sơ đồ số 20 Kế toán nguyên liệu, vật liệu (TK 152) 54

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Sơ đồ số 21 Kế toán nguyên liệu, vật liệu (TK 152) 54

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Sơ đồ số 22 Kế toán công cụ, dụng cụ (TK 153) 55

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Sơ đồ số 23 Kế toán công cụ, dụng cụ (TK 153) 56

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Sơ đồ số 24 Kế toán chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (TK 154) (Theo phương pháp kê khai thường xuyên) 56

Sơ đồ số 25 Kế toán chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (TK 154) (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ) 57

Sơ đồ số 26 Kế toán thành phẩm (TK 155) 57

(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Sơ đồ số 27 Kế toán thành phẩm (TK 155) 58

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)



Sơ đồ số 28	Kế toán hàng hoá (TK 156) (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)	59
Sơ đồ số 29	Kế toán hàng hoá (TK 156) (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	60
Sơ đồ số 30	Kế toán hàng hoá bất động sản đầu tư (TK 1567)	61
Sơ đồ số 31	Kế toán hàng gửi bán (TK 157) (Theo phương pháp kê khai thường xuyên)	62
Sơ đồ số 32	Kế toán hàng gửi bán (TK 157) (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	62
Sơ đồ số 33	Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho (TK 159)	63
Sơ đồ số 34	Kế toán các khoản dự phòng (TK159) (Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ)	63
LOẠI I	NHÓM 16	
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	TÀI KHOẢN 161 - CHI SỰ NGHIỆP	
	Tổng quan nhóm 16 - Chi sự nghiệp và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán chi sự nghiệp	64
Sơ đồ số 35	Kế toán chi sự nghiệp (TK 161)	65
LOẠI II	NHÓM 21	
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	
	Tổng quan nhóm 21 - Tài sản cố định và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán tài sản cố định	66
Sơ đồ số 36	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Mua tài sản cố định hữu hình)	73
Sơ đồ số 37	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Tài sản cố định hữu hình tự chế)	74
Sơ đồ số 38	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Mua TSCĐ theo phương thức trả chậm, trả góp)	75
Sơ đồ số 39	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Mua theo phương thức trao đổi TSCĐ tương tự)	75
Sơ đồ số 40	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Mua theo phương thức trao đổi TSCĐ không tương tự)	76
Sơ đồ số 41	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211)	77

	(TSCĐ được tài trợ, biếu, tặng)	
Sơ đồ số 42	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Mua TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất)	77
Sơ đồ số 43	Kế toán giảm tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ)	78
Sơ đồ số 44	Kế toán tài sản cố định hữu hình (TK 211) (Chi phí phát sinh sau ban đầu đủ điều kiện ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ)	78
Sơ đồ số 45	Kế toán hao mòn tài sản cố định hữu hình (2141)	79
Sơ đồ số 46	Kế toán tài sản cố định thuê tài chính (TK 212)	80
Sơ đồ số 47	Kế toán thuê hoạt động về tài sản cố định (TK 212)	81
Sơ đồ số 48	Kế toán bán tài sản cố định và thuê lại tài sản cố định theo phương thức thuê tài chính (TK 212) (Trường hợp bán TSCĐ lớn hơn giá trị còn lại)	83
Sơ đồ số 49	Kế toán bán tài sản cố định và thuê lại tài sản cố định theo phương thức thuê tài chính (TK 212) (Trường hợp bán TSCĐ nhỏ hơn giá trị còn lại)	84
Sơ đồ số 50	Kế toán bán tài sản cố định và thuê lại tài sản cố định theo phương thức thuê hoạt động (TK 212) (Trường hợp bán TSCĐ lớn hơn giá trị còn lại)	85
Sơ đồ số 51	Kế toán bán tài sản cố định và thuê lại tài sản cố định theo phương thức thuê hoạt động (TK 212) (Trường hợp bán TSCĐ nhỏ hơn giá trị còn lại)	86
Sơ đồ số 52	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213)	87
Sơ đồ số 53	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213) (Mua theo phương thức trả chậm, trả góp, không được vốn hoá lãi trả chậm)	88
Sơ đồ số 54	Kế toán tổng hợp tăng, giảm TSCĐ vô hình (TK 213)	89
Sơ đồ số 55	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213)	90

	(Mua theo phương thức trao đổi TSCĐ tương tự)	
Sơ đồ số 56	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213) (Mua theo phương thức trao đổi TSCĐ không tương tự)	90
Sơ đồ số 57	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213) (TSCĐ hình thành từ nội bộ - Giai đoạn triển khai)	91
Sơ đồ số 58	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213) (Mua TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất cùng với nhà cửa, vật kiến trúc)	92
Sơ đồ số 59	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213)	92
Sơ đồ số 60	Kế toán tài sản cố định vô hình (TK 213) (TSCĐ được tài trợ, biếu, tặng)	93
Sơ đồ số 61	Kế toán tổng hợp hao mòn TSCĐ vô hình (TK 2143)	93
Sơ đồ số 62	Kế toán hao mòn tài sản cố định (TK 214)	94
Sơ đồ số 63	Kế toán bất động sản đầu tư (TK 217)	95
Sơ đồ số 64	Kế toán hao mòn bất động sản đầu tư (TK 2147)	96
LOẠI II	NHÓM 22	
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	ĐẦU TƯ DÀI HẠN	
	Tổng quan nhóm 22 - Đầu tư dài hạn và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán đầu tư dài hạn	97
Sơ đồ số 65	Kế toán đầu tư vào công ty con (TK 221)	106
Sơ đồ số 66	Kế toán vốn góp liên doanh (Cơ sở đồng kiểm soát - Công ty liên doanh) (TK 222)	107
Sơ đồ số 67	Kế toán các nghiệp vụ giao dịch bên góp vốn liên doanh và cơ sở đồng kiểm soát (gọi là DN liên doanh) (TK 222)	108
Sơ đồ số 68	Kế toán đầu tư vào công ty liên kết (TK 223)	109
Sơ đồ số 69	Kế toán đầu tư dài hạn khác (TK 228)	110
Sơ đồ số 70	Kế toán dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (TK 229)	111
LOẠI II	NHÓM 24	
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	
	Tổng quan nhóm 24 - Tài sản dài hạn	112

	khác và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán tài sản dài hạn khác	
Sơ đồ số 71	Kế toán tổng hợp xây dựng cơ bản dở dang (TK 241)	114
Sơ đồ số 72	Kế toán xây dựng cơ bản dở dang (TK 241) (Đầu tư XDCB hình thành TSCĐ theo phương thức giao thầu)	115
Sơ đồ số 73	Kế toán xây dựng cơ bản dở dang (TK 241) (Đầu tư XDCB hình thành TSCĐ theo phương thức tự làm - Kế toán trên cùng hệ thống sổ kế toán SXKD)	116
Sơ đồ số 74	Kế toán xây dựng cơ bản dở dang (TK 241) (Đơn vị chủ đầu tư hạch toán độc lập - Thực hiện đầu tư xây dựng theo phương thức tự làm)	117
Sơ đồ số 75	Kế toán xây dựng cơ bản dở dang (TK 241) (Sửa chữa lớn tài sản cố định)	118
Sơ đồ số 76	Kế toán xây dựng cơ bản dở dang (TK 241) (Đơn vị chủ đầu tư - Hoạt động đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu)	119
Sơ đồ số 77	Kế toán chi phí XDCB dở dang (Tập hợp chi phí cải tạo đầu tư bất động sản đầu tư (TK 241)	120
Sơ đồ số 78	Kế toán chi phí trả trước dài hạn (TK 242)	121
Sơ đồ số 79	Kế toán chi phí trả trước dài hạn (TK 242) (Chi phí nghiên cứu, lợi thế thương mại, chi phí thành lập DN đã hạch toán là TSCĐ vô hình nay chuyển thành chi phí SXKD trong kỳ hoặc chi phí trả trước dài hạn)	122
Sơ đồ số 80	Kế toán tài sản thuế TN hoãn lại (TK 243)	123
Sơ đồ số 81	Kế toán ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 244)	124
LOẠI III	NHÓM 31	
NỢ PHẢI TRẢ	NỢ NGẮN HẠN	
	Tổng quan tài khoản loại III - Nợ phải trả và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán nợ phải trả	125
Sơ đồ số 82	Kế toán vay ngắn hạn (TK 311)	128
Sơ đồ số 83	Kế toán nợ dài hạn đến hạn trả (TK 315)	129

LOẠI III	NHÓM 33	130
NỢ PHẢI TRẢ	CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ	
Sơ đồ số 84	Kế toán phải trả cho người bán (TK 331)	132
Sơ đồ số 85	Kế toán thuế GTGT (TK 3331)	133
Sơ đồ số 86	Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332)	134
Sơ đồ số 87	Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334)	134
Sơ đồ số 88	Kế toán thuế xuất, nhập khẩu (TK 3333) (Hoạt động xuất, nhập khẩu trực tiếp)	135
Sơ đồ số 89	Kế toán thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	136
Sơ đồ số 90	Kế toán thuế tài nguyên (TK 3336)	136
Sơ đồ số 91	Kế toán thuế nhà, đất, tiền thuê đất (TK 3337)	137
Sơ đồ số 92	Kế toán các loại thuế khác, phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác (TK 3338,3339)	137
Sơ đồ số 93	Kế toán phải trả người lao động (TK 334)	138
Sơ đồ số 94	Kế toán chi phí phải trả (TK 335)	139
Sơ đồ số 95	Kế toán phải trả nội bộ (TK 336) (Ở đơn vị cấp trên)	140
Sơ đồ số 96	Kế toán phải trả nội bộ (TK 336) (Ở đơn vị trực thuộc)	141
Sơ đồ số 97	Kế toán thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng (TK 337) (Chỉ áp dụng đối với trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện thanh toán theo tiến độ kế hoạch)	142
Sơ đồ số 98	Kế toán phải trả, phải nộp khác (TK 338 (1,2,3,4,8)) Kế toán phải trả về cổ phần hóa	143
Sơ đồ số 99	Kế toán doanh thu chưa thực hiện (TK 3387)	144
LOẠI III	NHÓM 34	145
NỢ PHẢI TRẢ	NỢ DÀI HẠN	
Sơ đồ số 100	Kế toán vay dài hạn (TK 341)	148
Sơ đồ số 101	Kế toán nợ dài hạn (TK 342)	149
Sơ đồ số 102	Kế toán phát hành trái phiếu (TK 343) (Trường hợp phát hành trái phiếu theo mệnh giá)	150
Sơ đồ số 103	Kế toán phát hành trái phiếu (TK 343) (Trường	151

	hợp phát hành trái phiếu có chiết khấu)	
Sơ đồ số 104	Kế toán phát hành trái phiếu (TK 343) (Trường hợp phát hành trái phiếu có phụ trội)	152
Sơ đồ số 105	Kế toán nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)	152
Sơ đồ số 106	Kế toán thuế thu nhập hoãn lại phải trả (TK 347)	153
Sơ đồ số 107	Kế toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (TK 351)	154
Sơ đồ số 108	Kế toán dự phòng phải trả (TK 352)	155
LOẠI IV	NHÓM 41	
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	Tổng quan tài khoản loại IV - Nguồn vốn chủ sở hữu và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán nguồn vốn chủ sở hữu	156
Sơ đồ số 109	Kế toán nguồn vốn kinh doanh (TK 411)	159
Sơ đồ số 110	Kế toán nguồn vốn kinh doanh (TK 4111) (Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ)	160
Sơ đồ số 111	Kế toán nguồn vốn kinh doanh (TK 4118) (Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ)	160
Sơ đồ số 112	Kế toán nguồn vốn kinh doanh (TK 4112) (Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ)	161
Sơ đồ số 113	Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản (TK 412)	162
Sơ đồ số 114	Kế toán lợi nhuận tích lũy (TK 412) (Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ)	163
Sơ đồ số 115	Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái (TK 413) (Hoạt động đầu tư XDCB của giai đoạn trước hoạt động)	164
Sơ đồ số 116	Kế toán quỹ đầu tư phát triển (TK 414)	165
Sơ đồ số 117	Kế toán quỹ dự phòng tài chính (TK 415)	166
Sơ đồ số 118	Kế toán các quỹ của doanh nghiệp (TK 415) (Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ)	166
Sơ đồ số 119	Kế toán các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (TK 418)	167
Sơ đồ số 120	Kế toán cổ phiếu quỹ (TK 419) (Chỉ áp dụng cho Công ty cổ phần)	168
LOẠI IV	NHÓM 42	169

**NGUỒN VỐN
CHỦ SỞ HỮU**

Sơ đồ số 121

LOẠI IV**NGUỒN VỐN
CHỦ SỞ HỮU**

Sơ đồ số 122

Sơ đồ số 123

LOẠI IV**NGUỒN VỐN
CHỦ SỞ HỮU**

Sơ đồ số 124

LOẠI IV**NGUỒN VỐN
CHỦ SỞ HỮU**

Sơ đồ số 125

Sơ đồ số 126

LOẠI V**DOANH THU**

Sơ đồ số 127

Sơ đồ số 128

Sơ đồ số 129

Sơ đồ số 130

LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Kế toán lợi nhuận chưa phân phối (TK 421)

NHÓM 43**QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Kế toán phúc lợi đã hình thành TSCĐ (TK 4313)

Kế toán quỹ khen thưởng, phúc lợi (TK 431)

NHÓM 44**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN**Kế toán nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản
(TK 441)**NHÓM 46****NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP, KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ**

Kế toán nguồn kinh phí sự nghiệp (TK 461)

Kế toán nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ
(TK 466)**NHÓM 51****DOANH THU****Tổng quan tài khoản loại V - Doanh thu
và những nguyên tắc cần tôn trọng khi
kế toán doanh thu**Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp
dịch vụ (TK 511) (Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế
GTGT theo phương pháp khấu trừ)Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp
dịch vụ (TK 511) (Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế
GTGT theo phương pháp trực tiếp)Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp
dịch vụ (TK 511) (Doanh thu bán hàng theo
phương thức trả chậm, trả góp - Hàng hoá
chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp
dịch vụ (TK 511) (Doanh thu bán hàng theo
phương thức trả chậm, trả góp - Hàng hoá
không chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT

172

173

174

175

176

177

178

180

181

182

187

188

188

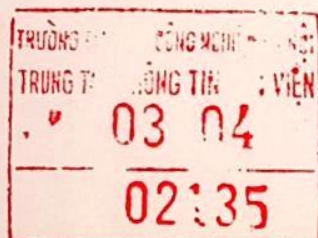
189



Sơ đồ số 131	theo phương pháp trực tiếp) Kế toán doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư (TK 5117)	190
Sơ đồ số 132	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính (TK 515)	191
Sơ đồ số 133	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính (TK 515) (Tiếp)	192
Sơ đồ số 134	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính (TK 515) (Tiếp)	193
Sơ đồ số 135	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính (TK 515) (Tiếp)	194
Sơ đồ số 136	Kế toán doanh thu và doanh thu chưa thực hiện (TK 515 & TK 3387)	195
LOẠI V	NHÓM 52	196
DOANH THU	CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI	
Sơ đồ số 137	Kế toán chiết khấu thương mại (TK 521)	198
LOẠI V	NHÓM 53	199
DOANH THU	HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI, GIẢM GIÁ HÀNG BÁN	
Sơ đồ số 138	Kế toán hàng bán bị trả lại (TK 531)	201
Sơ đồ số 139	Kế toán giảm giá hàng bán (TK 532)	202
LOẠI VI	NHÓM 61	
CHI PHÍ SẢN XUẤT,	MUA HÀNG	
KINH DOANH	Tổng quan tài khoản loại VI - Chi phí sản xuất, kinh doanh và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán chi phí sản xuất, kinh doanh	203
Sơ đồ số 140	Kế toán mua hàng (TK 611) (Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	206
LOẠI VI	NHÓM 62	207
CHI PHÍ SẢN XUẤT,	CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRỰC TIẾP	
KINH DOANH		
Sơ đồ số 141	Kế toán chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp (TK 621)	211
Sơ đồ số 142	Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)	212
Sơ đồ số 143	Kế toán chi phí sử dụng máy thi công (TK 623)	213



	(Áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh xây lắp có hoạt động xe, máy thi công)	
Sơ đồ số 144	Kế toán chi phí sản xuất chung (TK 627)	214
Sơ đồ số 145	Kế toán chi phí sản xuất chung (TK 627) (Chi phí sản xuất chung cố định)	215
LOẠI VI	NHÓM 63	216
CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	
Sơ đồ số 146	Kế toán giá thành sản xuất (TK 631) (Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	219
Sơ đồ số 147	Kế toán giá vốn hàng bán (TK 632) (Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	220
Sơ đồ số 148	Kế toán giá vốn hàng bán (TK 632) (Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên)	221
Sơ đồ số 149	Kế toán giá vốn bất động sản đầu tư (TK 6327)	222
Sơ đồ số 150	Kế toán chi phí tài chính (TK 635)	223
Sơ đồ số 151	Kế toán chi phí tài chính (TK 635) (Tiếp)	224
LOẠI VI	NHÓM 64	225
CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH	CHI PHÍ GIÁN TIẾP	
Sơ đồ số 152	Kế toán chi phí bán hàng (TK 641)	227
Sơ đồ số 153	Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642)	228
LOẠI VII	LOẠI VII	
THU NHẬP KHÁC	THU NHẬP KHÁC	
	Tổng quan tài khoản loại VII - Thu nhập khác và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán thu nhập khác	229
Sơ đồ số 154	Kế toán thu nhập khác (TK 711)	231
Sơ đồ số 155	Kế toán thu nhập khác (TK 711) (Nhượng bán thanh lý tài sản cố định hữu hình, vô hình - tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)	232
Sơ đồ số 156	Kế toán thu nhập khác (TK 711) (Nhượng bán thanh lý tài sản cố định hữu hình,	233



	vô hình - tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)	
LOẠI VIII	TÀI KHOẢN LOẠI VIII	
CHI PHÍ KHÁC	CHI PHÍ KHÁC	
	Tổng quan tài khoản loại VIII - Chi phí khác và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán chi phí khác	234
Sơ đồ số 157	Kế toán chi phí khác (TK 811)	236
Sơ đồ số 158	Kế toán tổng hợp chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 821)	237
Sơ đồ số 159	Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211)	238
Sơ đồ số 160	Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211)	239
Sơ đồ số 161	Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TK 8212) (Nợ thuế thu nhập hoãn lại)	240
LOẠI IX	LOẠI IX	
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	
	Tổng quan tài khoản loại IX - Xác định kết quả kinh doanh và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán xác định kết quả kinh doanh	241
Sơ đồ số 162	Kế toán xác định kết quả kinh doanh (TK 911)	244
LOẠI 0	LOẠI 0	
CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	CÁC TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	
	Tổng quan tài khoản loại 0 - Các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán và những nguyên tắc cần tôn trọng khi kế toán các tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán	245
Sơ đồ số 163	Kế toán tài sản thuê ngoài (TK 001)	246
Sơ đồ số 164	Kế toán vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (TK 002)	247
Sơ đồ số 165	Kế toán hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (TK 003)	248
Sơ đồ số 166	Kế toán nợ khó đòi đã xử lý (TK 004)	249





Sơ đồ số 167	Kế toán ngoại tệ các loại (TK 007)	250
Sơ đồ số 168	Kế toán dự toán chi sự nghiệp, dự án (TK 008)	251
Sơ đồ số 169	Kế toán cổ phiếu lưu hành (TK 010) (Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ)	252
Sơ đồ số 170	Kế toán cổ tức, lợi nhuận phải trả (TK 011) (Chỉ áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ)	253
PHẦN II	SƠ ĐỒ KẾ TOÁN TỔNG HỢP DOANH THU, THU NHẬP, CHI PHÍ CỦA MỘT SỐ LĨNH VỰC, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH	254
Sơ đồ số 171	Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh (Áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất , kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên)	257
Sơ đồ số 172	Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh (Áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất , kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	258
Sơ đồ số 173	Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh {(Áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất (vừa và nhỏ) , kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên)}	259
Sơ đồ số 174	Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh {(Áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất (vừa và nhỏ) , kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)}	260
Sơ đồ số 175	Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh (Áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp , kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên)	261
Sơ đồ số 176	Kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh (Áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp , kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)	262